

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2021
V/v Tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1972,

- Bị đơn: Bà Trần Ánh H, sinh năm: 1972,

Địa chỉ: Ô2/170A, khu phố TB, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Ông P và bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông yêu cầu ly hôn với bà Trần Ánh H. Vợ chồng ông sống chung năm 1991 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Về con chung: có 02 con chung tên: Nguyễn Thị L, sinh năm 1992, đã có gia đình riêng, ông không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Phúc H, sinh năm 2005, hiện đang sống với ông, ông yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cháu H đang học lớp 10.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã với nhau nên không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân sống riêng khoảng 06 tháng, không ai quan tâm ai, nay tình cảm không còn.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Ánh H trình bày:

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn, vợ chồng bà đến nay không đăng ký kết hôn, sống chung từ năm 1991. Về con chung: Bà đồng ý giao chồng bà được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, hiện đang sống với chồng bà. Bà không cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu L đã thành niên và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà thống nhất với lời khai của chồng, vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn.

Về tài sản chung: Bà thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, bà không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ông Trần Anh Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Các đương sự** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn P và bà Trần Ánh H là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc H, sinh ngày 28-01-2005 cho ông P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Cả hai đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về nợ chung: Cả hai đương sự khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ông Nguyễn Văn P và bà Trần Ánh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn P và bà Trần Ánh H là tự nguyện, không ai ép buộc. Mặc dù ông P và bà H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng đến nay không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều **9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014**.

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không xem xét về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn P và bà Trần Ánh H.

[3] *Về con chung*: Ông P và bà H khai vợ chồng có hai con chung: Nguyễn Thị L, sinh năm 1992 và Nguyễn Phúc H, sinh năm 2005. Cháu L đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được, đã có gia đình riêng, ông bà ông yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Cháu H hiện đang sống với ông P, ông bà thỏa thuận giao cho ông P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con của ông bà là tự nguyện, cháu H có nguyện vọng sống với ông P, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên Hội đồng xét xử cần ghi nhận giao cho ông P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, ghi nhận ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung*: Ông P và bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Ông P và bà H khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Ông P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Tuyên bố*: Không công nhận ông Nguyễn Văn P và bà Trần Ánh H là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao ông P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên: Nguyễn Phúc H, sinh ngày 28-01-2005. Ông P và bà H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Riêng con chung tên: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992, đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được, hiện đã có gia đình riêng, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Bà Hồng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Ông P và bà H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Ông P và bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

5. *Về án phí*: Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012809 ngày 08-3-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, **ông P** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu

